STAY HUNGRY FOR SUCCESS

MARKET INSIGHTS

REPORTS

21.08.2024

NGÂN HÀNG DẪN SÓNG

CTCP Chứng khoán Smart Invest - Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04	CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
05	TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
06	PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
	Xu hướng tăng trung hạn đang hình thành
07	HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
07	CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
08	DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
08	TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
09	BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
	Toàn cảnh xuất khẩu ngành dệt may T7/2024
10	TTCK MỸ
	Dự báo các chỉ số chính sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm vào tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY

ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	485
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	241
Số cổ phiếu giảm giá	174
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	219
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	93
Số cổ phiếu giảm giá	67
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	59

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	383
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	184
Số cổ phiếu giảm giá	108
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	91

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	56,869.71	80,738.22	(23,868.51)
% KL toàn thị trường	6.80%	9.65%	
Giá trị	2,065,772	2,283,179	(217,407)
% GT toàn thị trường	10.00%	11.06%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,529.52	3,583.75	(2,054.23)
% KL toàn thị trường	6.80%	9.65%	
Giá trị	39,359	131,734	(92,375)
% GT toàn thị trường	2.81%	9.40%	

UPCOM

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	369.70	388.38	(18.68)
% KL toàn thị trường	0.63%	0.66%	
Giá trị	15,644	28,247	(12,602)
% GT toàn thị trường	1.47%	2.66%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	2,745,300	92,800	2,000 (2.2%)	15.30	2.85	6,067	518,668
2	BID	6,170,900	50,600	1,450 (2.95%)	11.98	2.14	4,223	288,442
3	GAS	2,170,800	85,000	500 (0.59%)	17.06	2.75	4,981	195,223
4	FPT	6,119,700	133,500	2,000 (1.52%)	23.76	5.95	5,618	194,970
5	CTG	27,480,100	34,200	1,000 (3.01%)	8.60	1.35	3,977	183,654
6	VHM	13,661,500	39,750	350 (0.89%)	7.44	0.84	5,341	173,086
7	HPG	24,811,600	26,150	350 (1.36%)	13.72	1.54	1,906	167,262
8	VIC	1,664,500	41,850	150 (0.36%)	43.82	0.99	955	160,020
9	VNM	3,991,000	75,300	-300 (-0.4%)	16.25	4.10	4,633	157,374
10	TCB	20,036,300	22,000	150 (0.69%)	3.61	0.56	6,098	154,990

TỐP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX

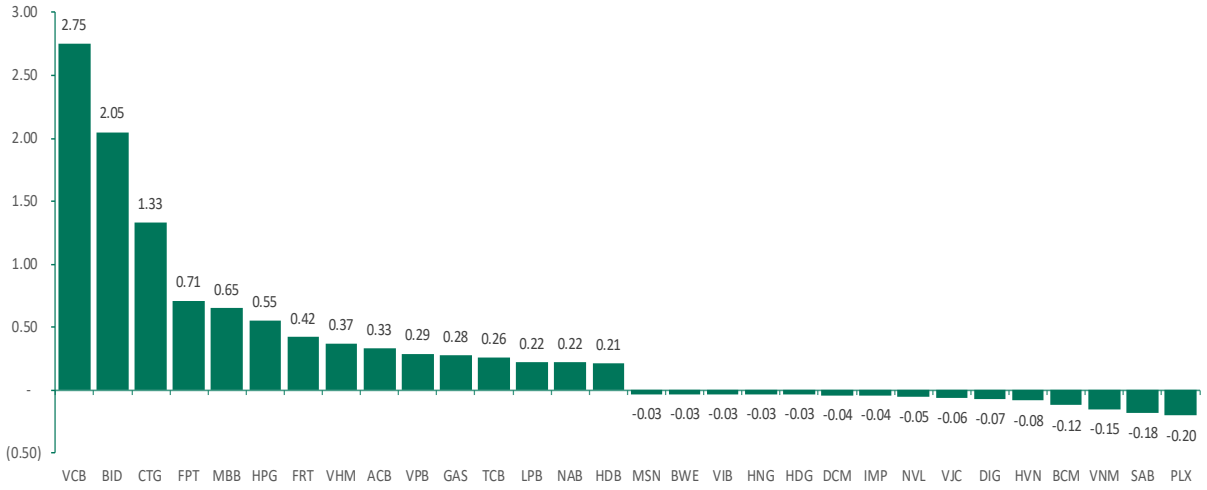

TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	**+0.93%**	**+37.08%**	**1,597**
Tài chính	+1.61%	+18.89%	102
Tổ chức tín dụng	+1.75%	+20.27%	29
Dịch vụ tài chính	+0.79%	+9.17%	60
Bảo hiểm	+0.27%	+16.70%	13
Bất động sản	+0.20%	-0.70%	142
Công nghiệp	+0.53%	+74.21%	391
Vận tải	+0.42%	+103.63%	134
Tư liệu sản xuất	+0.29%	+13.44%	213
Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+3.12%	+167.72%	44
Tiêu dùng thiết yếu	-0.11%	+35.50%	162
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.12%	+35.43%	155
Đồ gia dụng và cá nhân	+1.07%	+46.17%	6
Bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm	+5.00%	+280.19%	1
Nguyên vật liệu	+0.58%	+20.47%	257
Dịch vụ tiện ích	+0.61%	+14.18%	147
Tiêu dùng không thiết yếu	+0.86%	+41.83%	263
Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	+0.87%	+51.33%	127
Hàng tiêu dùng và trang trí	+0.90%	+28.48%	91
Dịch vụ tiêu dùng	+0.23%	-14.99%	33
Xe và linh kiện	+0.80%	-2.15%	12
Dịch vụ viễn thông	+2.45%	+247.41%	49
Dịch vụ viễn thông	+2.54%	+302.67%	22
Truyền thông và giải trí	+1.16%	-13.94%	27
Công nghệ thông tin	+1.39%	+57.91%	14
Phần mềm và dịch vụ	+1.40%	+58.19%	7
Công nghệ phần cứng và thiết bị	+0.01%	+15.36%	5
Chất bán dẫn và thiết bị bán dẫn	0%	-7.79%	2
Năng lượng	+1.12%	+39.72%	21
Chăm sóc sức khỏe	-0.21%	+24.65%	49
Dược phẩm, Công nghệ sinh học và Khoa học thường thức	-0.24%	+25.87%	44
Dịch vụ và thiết bị chăm sóc sức khỏe	+0.35%	+8.40%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 11.5 điểm (+ 0.9%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ chuyên biệt và thương mại, viễn thông, tổ chức tín dụng, truyền thông giải trí, phần mềm, năng lượng, đồ gia dụng và cá nhân, hàng tiêu dùng và trang trí, phân phối bán lẻ hàng lâu bền…là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu VEF, VGI, FOX, CTR, CTG, BID, VCB, LPB, VNZ, VNB, YEG, BSR, PVS, PVD, PVC, LIX, GEE, VGT, TCM, TLG, RAL, TNG, MSH, MWG, PNJ, DGW, FRT… Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CTR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) đi ngang trong khi đó giá vẫn nằm dưới kháng cự trung hạn 137 – Đây là khu vực nhạy cảm và nhà đầu tư hạn chế mở mua mới cổ phiếu này ở khu vực này nếu không có tín hiệu Break out rõ ràng.
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) LPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình V - Botttom – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu cản trở đà tăng ngắn hạn. Do vậy, LPB cần phải duy trì đà tăng giá 1-2 phiên tới để mở ra mẫu hình tích cực hơn;
- ✓ Hiện cổ phiếu đang giao dịch trong sóng 5 tăng giá trung hạn với mục tiêu 39 – 46;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) VCB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ VCB đã có Break out và thiết lập mô hình tăng giá trung hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iv) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Spinning Top";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong vùng giá mục tiêu sóng 5 là 70 – 77;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(v) MSH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Bullish Engulfing";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ đà tăng của giá – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng tăng giá sẽ tiếp tục;
- ✓ Cổ phiếu đang tróng sóng 5 tăng giá với mục tiêu 55 – 62;
- ✓ Bình quân mỗi tháng MSH xuất khẩu khoảng 20 triệu đô. Biên lãi gộp có thể cải thiện nhờ giá Bông đi xuống trong giai đoạn qua;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(vi) BSR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) đang tiềm ẩn phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều – Tín hiệu cản trở đà tăng giá;
- ✓ Về trung hạn, BSR có động lực tăng giá khi chuyển sang niêm yết HOSE nhưng trong ngắn hạn chúng ta nên thận trọng ở vùng giá hiện tại;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 63%;

(vii) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Gap Up";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Kháng cự hiện tại là vùng giá 29;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(2) Dược phẩm sinh học, thực phẩm đồ uống và thuốc lá …là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như DVN, IMP, TRA, DCL, VNM, MSN, MCH, SAB **…** Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) SAB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ cổ phiếu quanh vùng giá 55;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(ii) MSN giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu cản trở đà tăng giá;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Xu hướng tăng trung hạn đang hình thành

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch "Long White Candle". Khối lượng giao dịch giảm nhưng vẫn nằm trên mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực;

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 431 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VCB, FPT, CTG, BID, TCH, KBC, VCI, FRT, DPM, VNM… Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, MWG, VPB, MSN, HSG, TCB, VHM, DIG, PVS, NVL…Khối ngoại gần đây có xu hướng mua ròng trở lại nhóm ngân hàng sau thời gian bán ròng. Đây cũng là động lực giúp chỉ số duy trì đà tăng điểm dù giá trị bán ròng có vẻ vẫn là giá trị chủ đạo (Số phiên mua ròng nhiều nhưng nhưng giá trị ngày bán ròng thường cao hơn giá trị ngày mua ròng). Với việc mua vào nhóm ngân hàng, khối ngoại đã đẩy VCB, BID, CTG…vượt kháng cự trung hạn trong ngày hôm nay. Về cơ bản đây là tín hiệu tích cực với độ rộng phá kháng cự trung hạn của thị trường.

(iii) Với phiên tăng điểm hôm nay, VN-Index đã vượt lên khá xa kháng cự động MA(50) và nếu đóng cửa tuần này chỉ số vẫn nằm trên ngưỡng kháng cự này chúng ta sẽ xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn sẽ quay trở lại.

(iii) Dải băng trên đã mở ra hỗ trợ giá lên và RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng tăng giá của chỉ số sẽ tiếp tục.

(iv) Về dòng tiền, chúng tôi thấy dòng tiền đang tập trung ở nhóm VN30 đặc biệt ở nhóm ngân hàng. Xét trên khía cạnh định giá, nhóm ngân hàng đang giao dịch ở vùng định giá quanh PB 1.2 – 1.4 và đây là vùng định giá rẻ của nhóm nay nó thấp hơn mức trung bình từ 1,7 – 2.5 của giai đoạn 2020 – 2022 và do vậy có thể hiểu rằng nhịp tăng giá này vẫn còn dư địa cho nhóm cổ phiếu này và nó phù hợp với giai đoạn sóng tăng giá từ đầu năm và giai đoạn điều chỉnh tích lũy của nhóm này từ tháng 4 tới nay.

Theo phương pháp phân tích "Price Action" với VN30 chúng ta có 19 mã cho tín hiệu mua, 07 mã cho tín hiệu bán, 04 mã cho tín hiệu đi ngang. BCM, BID, GVR, VIB, CTG, GAS…cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 44.44% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,200 điểm và kháng cự là 1,300 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index

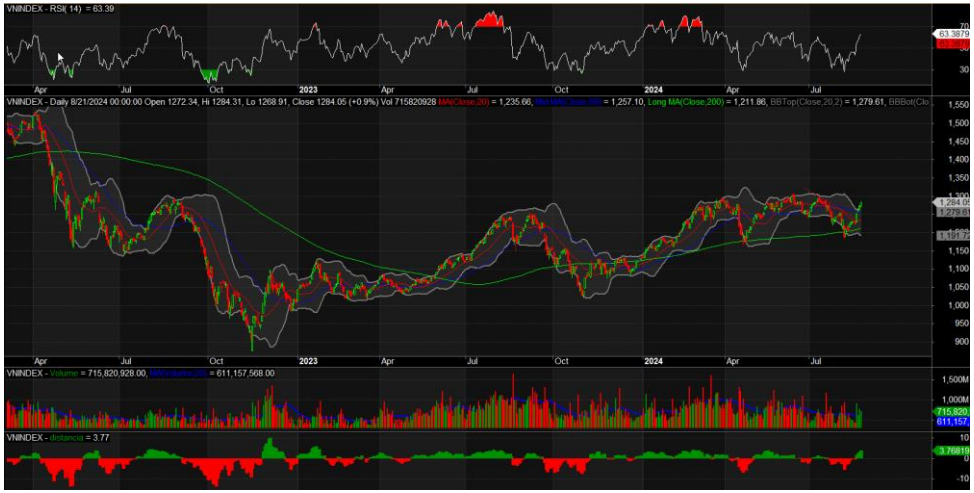

Biểu đồ kỹ thuật cổ phiếu MSH

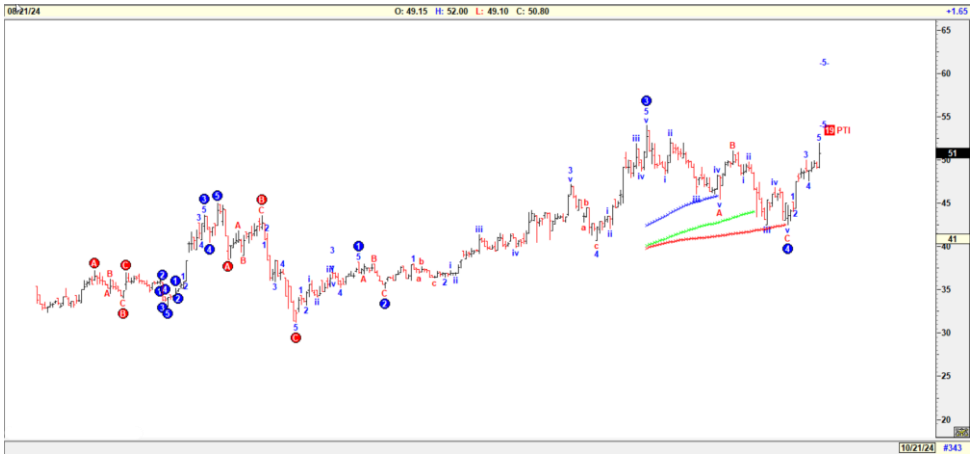

HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	525.27	523.98	526.55	NO	530.39	532.96	538.08	540.65	522.7	517.58	515.01	509.89
HNXINDEX	237.75	237.42	238.09	NO	239.09	239.75	241.09	241.75	237.09	235.75	235.09	233.75
UPINDEX	94.35	94.28	94.41	YES	94.61	94.75	95.01	95.15	94.21	93.95	93.81	93.55
VN30	1312.05	1309.23	1314.87	NO	1323.83	1329.96	1341.74	1347.87	1305.92	1294.14	1288.01	1276.23
VNINDEX	1279.09	1276.61	1281.57	NO	1289.27	1294.49	1304.67	1309.89	1273.87	1263.69	1258.47	1248.29
VNXALL	2096.27	2092.32	2100.21	NO	2112.05	2119.95	2135.73	2143.63	2088.37	2072.59	2064.69	2048.91
VN30F1M	1308.03	1305.85	1310.22	NO	1318.97	1325.53	1336.47	1343.03	1301.47	1290.53	1283.97	1273.03
VN30F1Q	1308.17	1305.8	1310.53	NO	1318.03	1323.17	1333.03	1338.17	1303.03	1293.17	1288.03	1278.17
VN30F2M	1309.23	1306.85	1311.62	NO	1319.37	1324.73	1334.87	1340.23	1303.87	1293.73	1288.37	1278.23
VN30F2Q	1307.43	1304.15	1310.72	NO	1320.57	1327.13	1340.27	1346.83	1300.87	1287.73	1281.17	1268.03
BCM	71.97	71.95	71.98	YES	72.43	72.87	73.33	73.77	71.53	71.07	70.63	70.17
ACB	24.28	24.22	24.34	NO	24.52	24.63	24.87	24.98	24.17	23.93	23.82	23.58
BID	50.15	49.92	50.37	NO	51.25	51.9	53	53.65	49.5	48.4	47.75	46.65
BVH	44.73	44.75	44.72	YES	45.17	45.63	46.07	46.53	44.27	43.83	43.37	42.93
CTG	33.8	33.6	34	NO	34.6	35	35.8	36.2	33.4	32.6	32.2	31.4
FPT	132.63	132.2	133.07	NO	134.67	135.83	137.87	139.03	131.47	129.43	128.27	126.23
GVR	35.05	34.95	35.15	NO	35.5	35.75	36.2	36.45	34.8	34.35	34.1	33.65
GAS	84.97	84.95	84.98	YES	85.53	86.07	86.63	87.17	84.43	83.87	83.33	82.77
HDB	27.02	26.98	27.06	NO	27.33	27.57	27.88	28.12	26.78	26.47	26.23	25.92
HPG	26.07	26.02	26.11	NO	26.33	26.52	26.78	26.97	25.88	25.62	25.43	25.17
MBB	24.53	24.42	24.64	NO	25.02	25.28	25.77	26.03	24.27	23.78	23.52	23.03
MSN	77.7	77.8	77.6	NO	78.3	79.1	79.7	80.5	76.9	76.3	75.5	74.9
MWG	69.63	69.55	69.72	NO	70.37	70.93	71.67	72.23	69.07	68.33	67.77	67.03
PLX	49.1	49.25	48.95	NO	49.7	50.6	51.2	52.1	48.2	47.6	46.7	46.1
POW	13.7	13.67	13.73	NO	14	14.25	14.55	14.8	13.45	13.15	12.9	12.6
SAB	57.53	57.6	57.47	NO	57.87	58.33	58.67	59.13	57.07	56.73	56.27	55.93
SSB	21.57	21.52	21.61	NO	21.73	21.82	21.98	22.07	21.48	21.32	21.23	21.07
SHB	10.68	10.68	10.69	YES	10.77	10.83	10.92	10.98	10.62	10.53	10.47	10.38
SSI	32.85	32.75	32.95	NO	33.25	33.45	33.85	34.05	32.65	32.25	32.05	31.65
TCB	21.88	21.83	21.94	NO	22.22	22.43	22.77	22.98	21.67	21.33	21.12	20.78
STB	29.77	29.67	29.86	NO	30.13	30.32	30.68	30.87	29.58	29.22	29.03	28.67
TPB	17.77	17.7	17.83	NO	18.03	18.17	18.43	18.57	17.63	17.37	17.23	16.97
VHM	39.47	39.33	39.61	NO	40.03	40.32	40.88	41.17	39.18	38.62	38.33	37.77
VCB	92.07	91.7	92.43	NO	93.73	94.67	96.33	97.27	91.13	89.47	88.53	86.87
VIB	21.33	21.33	21.34	YES	21.47	21.58	21.72	21.83	21.22	21.08	20.97	20.83
VIC	41.78	41.75	41.82	YES	42.07	42.28	42.57	42.78	41.57	41.28	41.07	40.78
VJC	104.83	104.8	104.87	YES	105.77	106.63	107.57	108.43	103.97	103.03	102.17	101.23
VPB	18.68	18.65	18.72	NO	18.92	19.08	19.32	19.48	18.52	18.28	18.12	17.88
VNM	75.5	75.6	75.4	NO	75.9	76.5	76.9	77.5	74.9	74.5	73.9	73.5
VRE	18.82	18.77	18.86	NO	18.98	19.07	19.23	19.32	18.73	18.57	18.48	18.32

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì căn theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VPB	33,804,500	13,956,990	242	0.81
CTG	27,480,100	5,661,920	485	3.01
MBB	21,525,300	10,661,810	202	2.06
HSG	17,294,500	8,338,760	207	0.96
TPB	**16,727,200**	**7,650,600**	**218.64**	**1.99**
MSB	10,436,100	3,835,760	272	1.35
VCG	7,361,700	3,561,240	207	0.78
VIB	**7,067,100**	**3,002,980**	**235.34**	**-0.23**
LCG	6,683,100	2,573,480	260	4.15
OIL	6,584,700	3,016,240	218	4
BID	**6,170,900**	**1,855,060**	**332.65**	**2.95**
PVS	4,756,500	2,255,770	211	0.99
APH	3,004,600	1,467,270	205	-1.86
SCR	2,690,300	1,147,740	234	2.18
DGT	2,673,300	555,190	482	-2.6
PET	**2,499,700**	**789,960**	**316.43**	**3.25**
FRT	2,167,800	483,590	448	6.82
TLH	1,706,200	684,030	249	3.71
PVC	1,523,800	615,470	248	2.24
NHH	1,502,100	439,000	342	-2.87
ABB	**1,157,300**	**562,570**	**205.72**	**0**
C4G	1,023,500	470,900	217	1.05
PSB	923,700	234,400	394	-6.19
DRC	839,800	375,580	224	1.17
TVS	553,200	187,630	295	5.41
QTP	**516,200**	**172,140**	**299.87**	**1.35**
ST8	485,300	197,040	246	-1.83
SGR	449,300	171,450	262	6.96
DDG	429,500	206,410	208	2.94
GKM	413,700	61,870	669	-5.56
PVI	405,700	141,720	286	1.73
TLG	398,400	144,500	276	2.92
NO1	393,400	76,220	516	2.38
PVB	366,100	150,210	244	3.16
PSD	345,700	49,770	695	3.05
VNE	327,500	127,550	257	6.86
GDA	308,800	147,400	210	0.72
VLB	271,000	32,880	824	3.43
SBB	270,300	48,860	553	2.68
VIG	267,400	115,750	231	0

- Lưu ý: VPB, CTG…có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
21-Aug	VCB	Mua	≤ 94	10% -20%	Buy Kumo Break out/Nên mua khi điều chỉnh tái tích lũy
21-Aug	BID	Mua	≤ 51	10% -20%	Buy Kumo Break out/Nên mua khi điều chỉnh tái tích lũy
21-Aug	CTG	Mua	≤ 35	10% -20%	Buy Kumo Break out/Nên mua khi điều chỉnh tái tích lũy
21-Aug	LCG	Mua	≤ 12	10% -20%	Buy Kumo Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 04 CỔ PHIẾU MỚI;**

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- **Thị trường ngoại tệ:** Phiên 21/08, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.246 VND/USD, giảm tiếp 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.937 VND/USD, tăng 14 đồng so với phiên 20/08. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.320 VND/USD và 25.420 VND/USD.
- **Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 21/08, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục giảm 0,02 – 0,08 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó; cụ thể: ON 4,42%; 1W 4,58%; 2W 4,66% và 1M 4,72%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 1W, giao dịch tại: ON 5,31%; 1W 5,35%; 2W 5,38%, 1M 5,42%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở các kỳ hạn 3Y và 5Y trong khi giảm ở kỳ hạn 7Y và tăng nhẹ ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên với: 3Y 1,91%; 5Y 1,95%; 7Y 2,23%; 10Y 2,72%; 15Y 2,90%.
- **Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 7.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,25%. Có 2.683,03 tỷ đồng trúng thầu, có 5.793,6 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 14 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 5.000 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất ở mức 4,20%, có 9.999,7 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 1.889,13 tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở. Khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là 43.474,64 tỷ đồng, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường ở mức 50.349,7 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Toàn cảnh xuất khẩu ngành dệt may T7/2024

MẶT HÀNG	Giá trị xuất khẩu T7-2024			Giá trị xuất khẩu 7T-2024		Giá trị xuất khẩu của FDI 7T-2024		Giá trị xuất khẩu của DDI 7T-2024	
(Đvt)	Tỷ USD	%YoY	%MoM	Tỷ USD	%YoY	Tỷ USD	%YoY	Tỷ USD	%YoY
NGÀNH DỆT MAY	**4.35**	**12.3%**	**16.0%**	**24.52**	**6.4%**	**15.27**	**4.9%**	**9.25**	**9.1%**
Hàng may mặc & vải	3.72	13.4%	17.6%	20.27	6.3%	12.06	4.2%	8.21	9.6%
Vải mành, vải kỹ thuật khác	0.07	34.7%	7.0%	0.46	18.0%	0.45	17.6%	0.01	43.0%
Xơ, sợi dệt	0.37	-2.6%	6.0%	2.54	3.5%	1.81	3.4%	0.72	3.6%
Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	0.19	17.2%	10.1%	1.25	11.4%	0.94	11.7%	0.31	10.5%
NGÀNH DA GIÀY	**2.52**	**17.9%**	**5.2%**	**15.21**	**10.1%**	**11.82**	**7.5%**	**3.38**	**20.4%**
Giày dép	2.12	18.4%	4.3%	12.86	10.5%	10.19	8.1%	2.67	20.3%
Túi xách, ví,vali, mũ, ô, dù	0.40	15.0%	10.1%	2.35	8.1%	1.63	3.4%	0.71	20.7%
TỔNG CỘNG	**6.87**	**14.3%**	**11.8%**	**39.73**	**7.8%**	**27.10**	**6.0%**	**12.64**	**11.9%**

TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU	THỊ TRƯỜNG	TOÀN NGÀNH	Hàng may mặc & vải	Xơ, sợi dệt	Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	Vải mành, vải kỹ thuật khác	Giày dép	Túi xách, ví,vali, mũ, ô, dù
%YoY (7T-2024)	HOA KỲ	9.2%	5.5%	31.5%	-0.4%	33.6%	15.2%	12.1%
	EU	8.2%	3.2%	0.8%	9.5%	1.0%	12.4%	7.9%
	NHẬT BẢN	2.7%	6.2%	-5.6%	-17.6%	19.4%	-4.0%	-4.3%
	TRUNG QUỐC	4.6%	14.9%	-2.7%	7.2%	46.2%	6.6%	5.2%
	HÀN QUỐC	3.1%	0.2%	20.3%	-2.3%	14.4%	3.5%	10.8%
	ASEAN	11.0%	9.8%	-0.1%	23.6%	-10.5%	7.1%	42.1%
	CANADA	5.5%	3.5%	N/A	N/A	44.1%	12.8%	-3.9%
	ANH (UK)	18.0%	9.7%	-7.7%	25.3%	N/A	26.9%	11.8%
%YoY (T7-2024)	HOA KỲ	16.0%	14.4%	28.7%	16.9%	48.9%	17.5%	20.1%
	EU	17.9%	10.6%	8.9%	23.8%	51.9%	24.9%	17.5%	
	NHẬT BẢN	3.4%	3.6%	-10.5%	-21.5%	48.4%	2.8%	12.6%
	TRUNG QUỐC	-2.7%	22.4%	-19.7%	12.1%	-41.5%	-3.4%	33.9%
	HÀN QUỐC	-0.9%	-3.9%	15.6%	-14.3%	62.5%	4.8%	-9.1%
	ASEAN	27.6%	29.5%	34.1%	34.8%	-4.1%	13.2%	23.8%
	CANADA	29.8%	30.6%	N/A	N/A	10.0%	41.4%	-1.5%
	ANH (UK)	15.0%	9.4%	-36.7%	-11.5%	N/A	23.8%	8.1%
%MoM (T7-2024)	HOA KỲ	17.4%	15.3%	40.8%	12.9%	-9.2%	21.2%	22.1%
	EU	-0.4%	5.3%	38.0%	23.6%	25.3%	-6.2%	-2.8%
	NHẬT BẢN	25.8%	31.8%	9.8%	-4.3%	9.7%	11.2%	20.8%
	TRUNG QUỐC	7.6%	39.9%	1.5%	-7.4%	-27.3%	-7.3%	32.0%
	HÀN QUỐC	29.8%	50.8%	-3.3%	9.6%	8.9%	-0.7%	-6.7%
	ASEAN	8.7%	11.6%	17.0%	18.5%	19.0%	-11.1%	-25.8%
	CANADA	-3.4%	-1.3%	N/A	N/A	-10.6%	-4.2%	-16.3%
	ANH (UK)	11.7%	15.3%	30.7%	-52.0%	N/A	12.0%	-8.9%

Toàn cảnh xuất khẩu ngành dệt may T7/2024 (Tt)

GIÁ TRỊ (tỷ USD)	6T-2024	Q1-2024	Q2-2024	%YoY (6T-2024)
Trung Quốc	11.13	5.51	5.62	-1.8%
Ấn Độ	4.80	2.31	2.48	2.3%
Việt Nam	**7.20**	**3.70**	**3.50**	**-1.0%**
Indonesia	2.22	1.16	1.06	-8.2%
ASEAN khác	3.00	1.51	1.49	-2.4%
EU	2.62	1.32	1.30	-3.2%
Pakistan	1.84	0.88	0.96	-0.2%
Bangladesh	3.51	1.81	1.70	-10.6%
Mexico	2.03	0.99	1.05	-11.3%
Khác	10.99	5.40	5.59	-5.9%
Tổng cộng	**49.35**	**24.59**	**24.76**	**-3.7%**

SẢN LƯỢNG (m2)	6T-2024	Q1-2024	Q2-2024	%YoY (6T-2024)
Trung Quốc	15.09	7.08	8.01	14.0%
Ấn Độ	5.10	2.45	2.65	24.3%
Việt Nam	**3.01**	**1.51**	**1.49**	**11.3%**
Indonesia	0.79	0.40	0.39	-10.6%
ASEAN khác	4.52	1.77	2.75	23.9%
EU	2.88	1.45	1.43	-10.2%
Pakistan	1.58	0.77	0.81	8.1%
Bangladesh	1.30	0.67	0.63	-3.1%
Mexico	1.14	0.56	0.57	-66.2%
Khác	11.32	5.09	6.23	4.4%
Tổng cộng	**46.74**	**21.77**	**24.97**	**4.3%**

ĐƠN GIÁ (USD/m2)	6T-2024	Q1-2024	Q2-2024	%YoY (6T-2024)
Trung Quốc	0.74	0.78	0.70	-13.8%
Ấn Độ	0.94	0.94	0.94	-17.7%
Việt Nam	**2.39**	**2.45**	**2.34**	**-11.1%**
Indonesia	2.80	2.87	2.73	2.7%
ASEAN khác	0.66	0.85	0.54	-21.2%
EU	0.91	0.91	0.91	7.8%
Pakistan	1.17	1.15	1.18	-7.6%
Bangladesh	2.69	2.69	2.70	-7.8%
Mexico	1.79	1.75	1.83	162.3%
Khác	0.97	1.06	0.90	-9.9%
Bình quân	**1.06**	**1.13**	**0.99**	**-7.7%**

(*) Theo ghi nhận của OTEXA có sai khác nhỏ so với TCHQVN

Lịch sử ủng hộ xu hướng tăng điểm của thị trường

APP thiết lập một Break out – Tín hiệu tích cực

Đây là chuỗi tăng điểm 8 ngày thứ 54 của S&P 500 kể từ năm 1950. Hầu hết đều xảy ra trong thị trường tăng giá và lợi nhuận trong tương lai hoàn toàn phù hợp với lợi nhuận trung bình. Nhiều người cho rằng chuỗi chiến thắng dài là tín hiệu bi quan, nhưng điều đó không đúng.

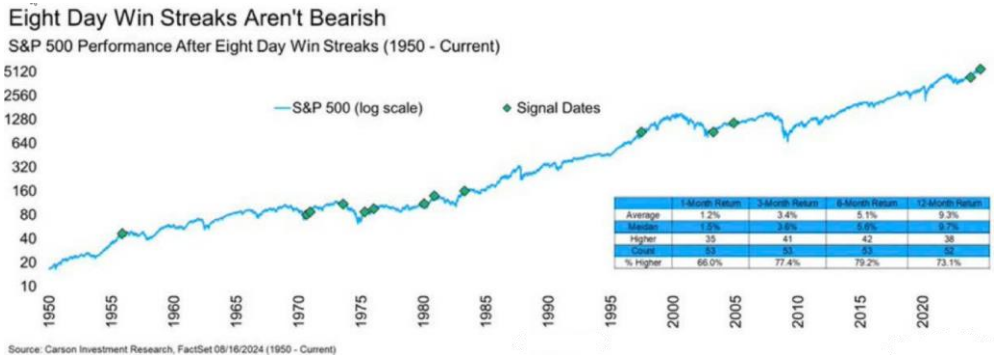

Các chiến lược gia BoA vẫn cho rằng xu hướng tăng điểm vẫn rất tích cực

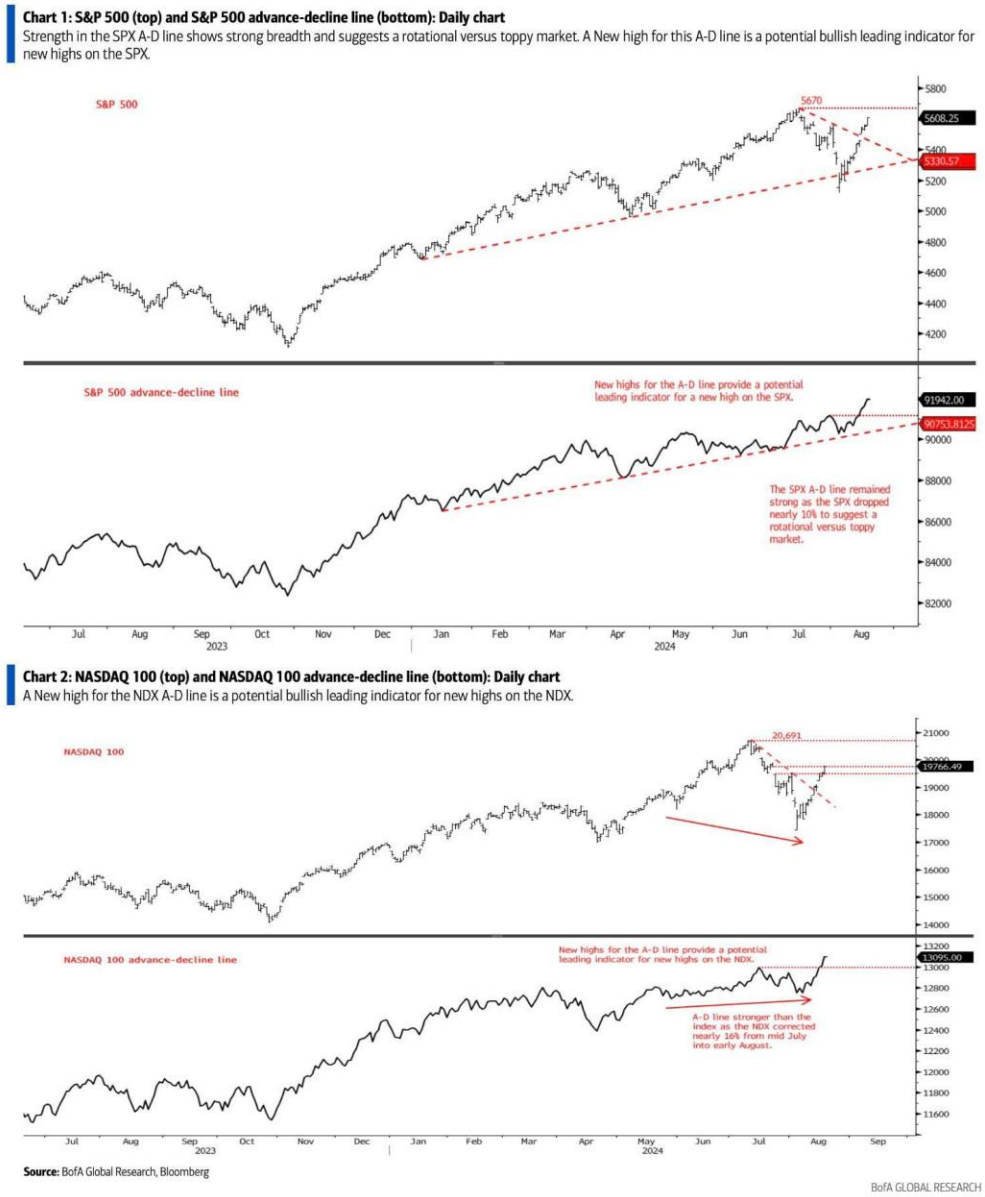

<u>Kết luận:</u> *Dự báo các chỉ số chính sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm vào tối nay.*

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

AAS

STAY HUNGRY FOR SUCCESS

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

https://www.aas.com.vn

Tổng đài: 1900 1811

trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay